

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]
TTCK giao dịch khởi sắc hơn

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]
Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]
HPG, HSG

[Cập Nhật Công Ty]
SCS

[Quan điểm đầu tư]
NĐT tiếp tục được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ trải lệnh ở các vùng giá thấp, mua trở lại 1 phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số rơi xuống vùng hỗ trợ đã đề cập.

22/04/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	768.92	+0.27
VN30	714.42	+1.10
HĐTL VN30	686.90	+2.51
HNXIndex	106.80	+2.01
HNX30	202.27	+1.86
UPCoM	51.48	+0.59
USD/VND	VND23,490	+0.12
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.17	-2
Lãi suất qua đêm (%)	2.41	+21
Dầu (WTI, \$)	10.01	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,703.50	+1.03



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 768.92 (+0.27%)
KLGD (triệu CP) 233.3 (-35.1%)
GTGD (triệu US\$) 180.7 (-30.8%)

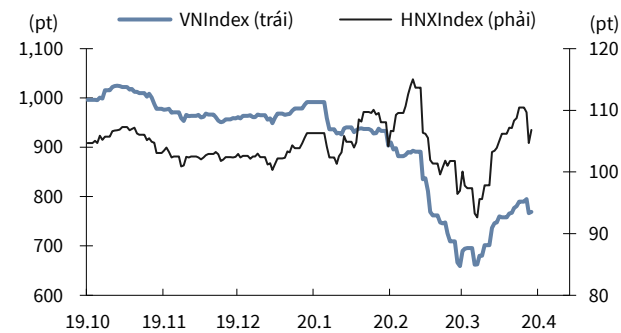
HNXIndex 106.80 (+2.01%)
KLGD (triệu CP) 44.3 (-39.4%)
GTGD (triệu US\$) 17.8 (-36.9%)

UPCoM 51.48 (+0.59%)
KLGD (triệu CP) 26.4 (+0.0%)
GTGD (triệu US\$) 6.9 (-34.4%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -14.3

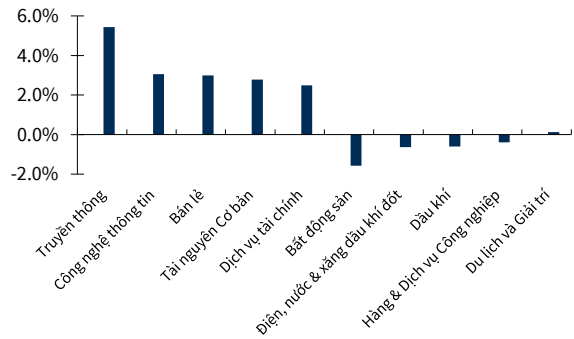
Kỳ vọng vào việc quy định “cách ly xã hội” ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh sẽ được nới lỏng sau ngày hôm nay giúp thị trường giao dịch khởi sắc và hồi phục nhẹ về cuối phiên. Nhóm cổ phiếu bán lẻ hàng tiêu dùng không thiết yếu như MWG (+3.3%), PNJ (+1.6%)... hồi phục tốt trước kỳ vọng các cửa hàng sẽ được hoạt động trở lại. Tương tự, cổ phiếu ngành bia như SAB (+2.9%), BHN (+4.3%) cũng có phiên tăng giá mạnh. Nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng có phiên tăng giá đồng loạt phiên ở BID (+4.3%), CTG (+2.4%)... sau khi Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính khẩn trương hoàn thiện thủ tục và bố trí nguồn để tăng vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Nhóm cổ phiếu phân đạm như DCM (+7%), DPM (+6.1%)... tiếp tục có phiên bứt phá nhờ hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm của giá dầu. Trong khi đó, cổ phiếu dầu khí tiếp tục giảm điểm trên diện rộng ở PVD (-3.4%), PVS (-1.7%)... Nhóm cổ phiếu họ Vingroup cũng có phiên điều chỉnh ở VIC (-0.5%), VHM (-3.8%), VRE (-3.5%) khi mà nhà đầu tư tỏ ra thận trọng trước KQKD Q1 của nhóm doanh nghiệp này, nhiều khả năng sẽ được công bố vào cuối tuần tới. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng ở VNM (+0.7%), VRE (-3.5%), HPG (+3%)...

VN Index & HNX Index



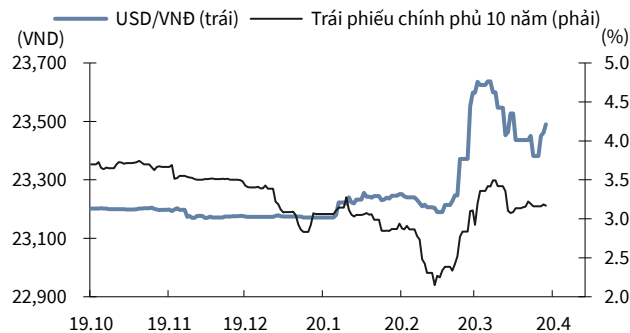
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



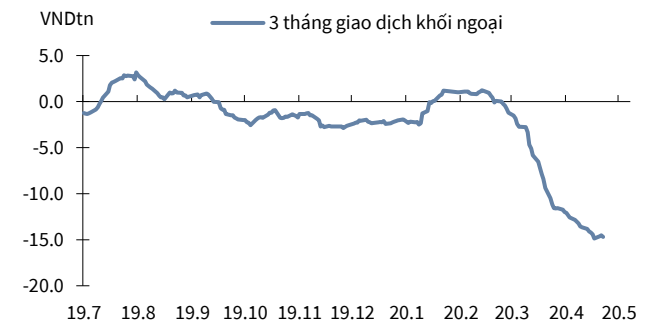
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

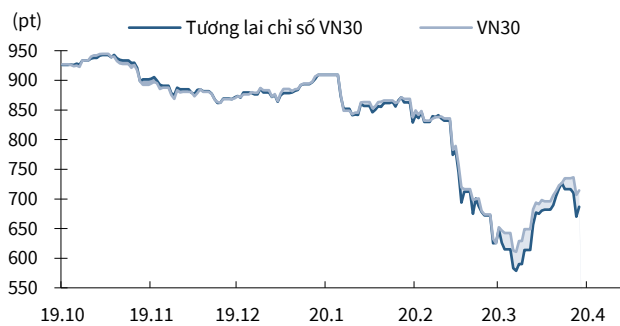
Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	714.42 (+1.10%)
VN30 tương lai	686.9 (+2.51%)
Mở cửa	662.6
Cao nhất	689.7
Thấp nhất	659.1

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến tăng của chỉ số VN30 Index. Với việc HĐTL F2005 tăng mạnh hơn so với chỉ số cơ sở, chênh lệch âm được thu hẹp đáng kể xuống -27.5 điểm. Thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên giao dịch với khối lượng lớn, bán ròng ở F2005.

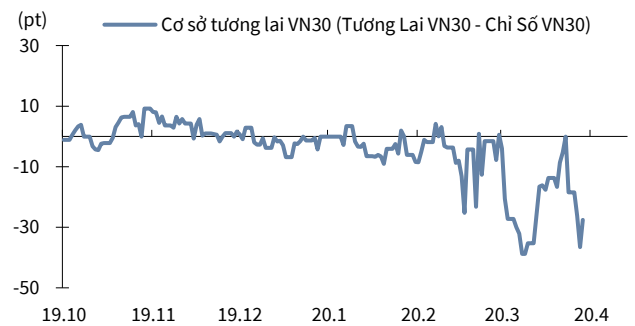
Hợp đồng	259,508 (+12.1%)
KL HĐ mở OI	N/A

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



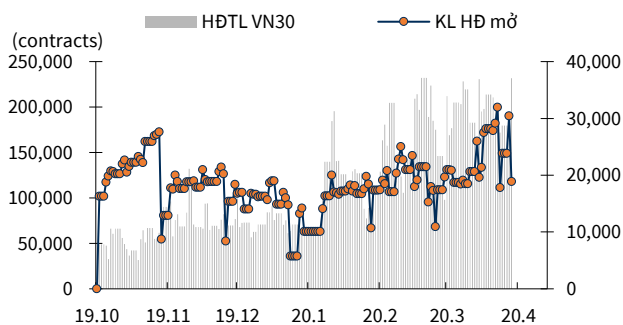
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



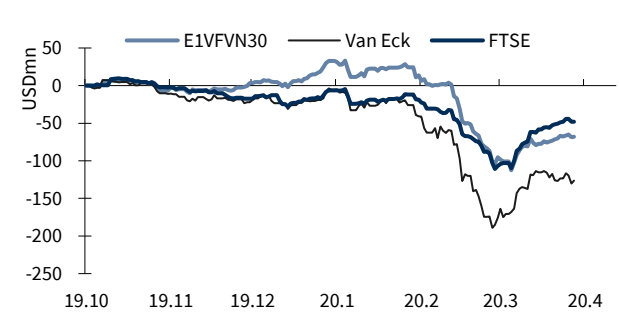
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

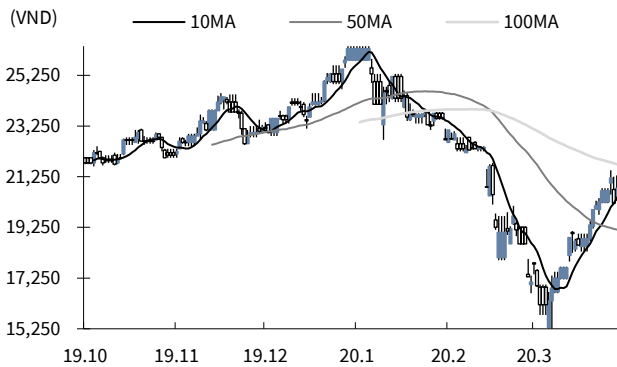
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

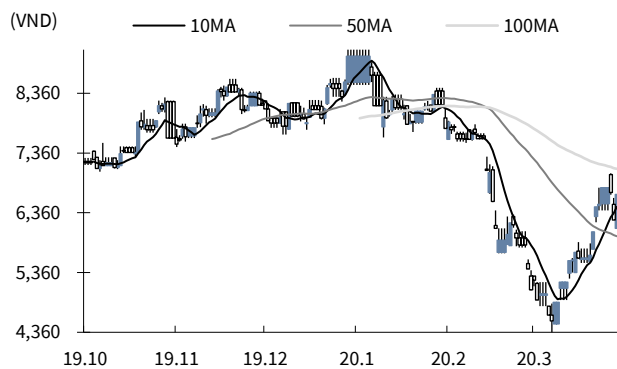
Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 3% lên 20,800 VNĐ/cp.
- HPG cho biết KQKD Q1 ước đạt lợi nhuận 2,305 tỷ (+27% YoY) và doanh thu 19,450 tỷ (+28% YoY).
- Cụ thể, trong quý 1, HPG đã cung cấp cho thị trường trên 732,000 tấn thép xây dựng, chiếm 31.9% thị phần tiêu thụ toàn thị trường, tăng nhẹ 5% so với cùng kỳ.
- Lượng phôi thép Hòa Phát cung cấp cho thị trường đạt khoảng 350,000 tấn, chủ yếu là xuất khẩu sang Trung Quốc và các nước Đông Nam Á. Với sản phẩm ống thép, Hòa Phát đã bán được gần 145,000 tấn, giữ thị phần 31.1%.

Hòa Sen (HSG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HSG tăng 6.9% lên 6,670 VNĐ/cp.
- HSG cho biết KQKD hợp nhất Q2 (từ 1/1-31/3/2020) với lợi nhuận ước đạt 200 tỷ đồng (tăng gấp 3.8 lần cùng kỳ), và doanh thu ước đạt 5,780 tỷ (-16.3% YoY), sản lượng tiêu thụ ước đạt 338,674 tỷ tấn (-8.6% YoY). Lợi nhuận HSG tăng trưởng mạnh mặc dù sản lượng giảm nhẹ có nguyên nhân đến từ việc doanh nghiệp đã chủ động giảm đòn bẩy vay nợ và hàng tồn kho về mức an toàn hơn so với cùng kỳ.

Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn (SCS)

Sản lượng hàng hóa duy trì tăng trưởng trong mùa dịch

Kết quả kinh doanh Q1/2020 duy trì khả quan

— Kết thúc Q1/2020, doanh thu đạt 183.6 tỷ VND tăng 6.3% yoy; biên lợi nhuận gộp được cải thiện, đạt 79.6% so với cùng kỳ năm 2019 đạt 78.9%; LNST đạt 121.5 tỷ VND, tăng 8.6% yoy. Tổng sản lượng hàng hóa 3 tháng đầu năm đạt 54,310 tấn, tăng 7.6% yoy trong đó hàng quốc tế tăng 6.7% yoy và hàng quốc nội tăng 10.5% yoy. SCS vẫn duy trì được kết quả kinh doanh tốt trong Q1/2020 bất chấp ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 nhờ: (1) Các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất nhập hàng trong tháng 2 trước nỗi lo phong tỏa do dịch Covid 2019; (2) Các hãng hàng không đẩy mạnh vận chuyển hàng hóa để duy trì hoạt động trong bối cảnh không có doanh thu từ vận tải hành khách do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Kế hoạch kinh doanh không bị ảnh hưởng lớn bởi dịch Covid-19

— SCS đặt kế hoạch tổng sản lượng hàng hóa năm 2020 đạt 204,500 Tấn, giảm 6.4% yoy; doanh thu đạt 725 tỷ VND, giảm 4.9% yoy và LNTT đạt 500.6 tỷ VND, giảm 6.9% yoy. Theo kết quả đạt được trong Q1/2020, đặc biệt là trong tháng 3 khi dịch Covid bùng phát, KBSV cho rằng SCSC đủ năng lực để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra. Ngoài ra, trong năm 2020, SCS dự kiến triển khai phương án đầu tư xây dựng tòa nhà SCSC-2, đây sẽ là dự án sẽ mang lại lợi nhuận và dòng tiền ổn định trong tương lai tương tự dự án SCSC-1.

Phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ chủ chốt trong công ty

— Ngày 16/04/2020, hội đồng quản trị thông qua phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của công ty. Giá phát hành là 32,000 VND/cp; số lượng cổ phiếu phát hành là 320,000 cổ phiếu tương đương 0.75% số lượng cổ phiếu lưu hành; Thời gian hạn chế chuyển nhượng là 2 năm, trong đó năm thứ 2 cổ đông được phép bán 50% số lượng cổ phiếu đã mua; Thời gian thực hiện dự kiến vào Q2/2020.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex nhận được lực đỡ sớm từ cận trên của vùng hỗ trợ 74x giúp chỉ số có phiên phục hồi.
- Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng cơ hội phục hồi thành công và tiếp tục vượt đỉnh ngắn hạn chưa thực sự cao khi chỉ số chưa xuống sâu dưới vùng hỗ trợ 74x trong khi áp lực bán tại các vùng giá cao vẫn còn tiềm ẩn khá lớn.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ trải lệnh ở các vùng giá thấp, mua trở lại 1 phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số rơi xuống vùng hỗ trợ đã đề cập.

Chỉ Số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30F1M



Nguồn : Trading view, KB Securities Vietnam

- Chỉ số VN30 cũng cho phản ứng phục hồi sau khi về sát cận trên của vùng hỗ trợ 68x.
- Do đây mới là phản ứng sớm quanh cận trên nên chúng tôi cho rằng cơ hội phục hồi thành công chưa thực sự cao và chỉ số nhiều khả năng sẽ gặp áp lực rung lắc trong phiên kế tiếp.
- Việc chớm về vùng hỗ trợ 65x của F1 tại thời điểm đầu phiên đã tạo cơ hội cho NĐT cover 1 phần vị thế SHORT qua đêm. NĐT được khuyến nghị có thể nắm giữ phần còn lại và kết hợp mở thêm các vị thế SHORT intraday tại vùng kháng cự gần trong phiên ngày mai để tăng hiệu quả trading.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

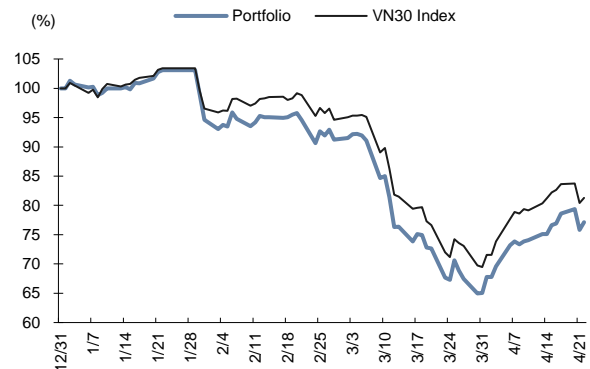
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bố đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.10%	1.76%
Tăng lũy kế (YTD)	-18.73%	-22.87%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/04/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	82,000	3.3%	-29.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	21,550	0.2%	-19.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	58,800	16%	-23.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	16,100	2.9%	-18.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	29,450	0.5%	-13.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cơ cấu ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	51,100	3.7%	32.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	19,250	2.4%	-21.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	115,100	0.1%	-10.9%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hướng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	20,800	3.0%	-11.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	11,850	0.0%	-13.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FPT	3.7%	49.0%	87.6
VHM	-3.8%	14.7%	30.0
MSN	2.8%	36.0%	3.8
HCM	6.7%	54.3%	2.4
PHR	2.2%	8.6%	2.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.7%	58.7%	-67.2
VRE	-3.5%	31.8%	-62.0
HPG	3.0%	36.5%	-51.7
VCB	-3.1%	23.7%	-51.0
STB	2.0%	10.9%	-31.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLC	4.5%	1.1%	0.5
IDV	2.6%	14.2%	0.1
SPP	25.0%	0.2%	0.1
VMC	0.0%	2.7%	0.1
SDT	0.0%	7.8%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
LAS	1.8%	4.9%	-2.6
PVS	-1.7%	15.1%	-2.2
SHB	3.2%	8.2%	-0.7
TIG	3.6%	15.4%	-0.6
BVS	0.0%	28.1%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	16.6%	YEG, PNC
Du lịch và Giải trí	6.4%	HVN, VJC
Bán lẻ	6.0%	MWG, FRT
Ô tô và phụ tùng	3.5%	TCH, CSM
Tài nguyên Cơ bản	3.2%	HPG, KSB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-4.0%	GVR, HRC
Bất động sản	-3.2%	VIC, VHM
Ngân hàng	-2.8%	VCB, BID
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.3%	GAS, PPC
Bảo hiểm	-2.3%	BVH, PGI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	25.1%	HVN, VJC
Bảo hiểm	24.0%	BVH, BMI
Truyền thông	23.0%	YEG, PNC
Thực phẩm và đồ uống	17.1%	SAB, MSN
Tài nguyên Cơ bản	14.8%	HPG, HSG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	5.6%	TPB, CTG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.9%	LGC, THI
Dầu khí	7.2%	PVD, PLX
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.8%	PMG, VSH
Dịch vụ tài chính	7.9%	TVB, IBC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	92,500	312,875 (13,319)	108,983 (4.6)	22.4	41.7	24.8	31.3	8.8	12.4	3.7	3.2	-0.5	-3.6	12.1	-19.6
	VHM	VINHOMES JSC	65,400	215,134 (9,158)	55,676 (2.4)	34.3	7.9	6.7	35.4	38.4	32.5	2.5	1.9	-3.8	-3.5	2.5	-22.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	23,550	53,513 (2,278)	75,199 (3.2)	17.2	17.5	14.1	14.0	10.8	12.1	1.9	1.7	-3.5	-9.8	15.4	-30.7
	NVL	NOVA LAND INVES	52,500	50,901 (2,167)	24,825 (1.1)	32.3	18.9	18.5	-11.3	12.0	11.8	2.0	1.8	0.0	1.2	2.9	-11.8
	KDH	KHANGDIENHOUSE	20,450	11,134 (474)	9,853 (0.4)	4.8	9.7	8.5	16.8	14.6	15.2	1.3	1.2	0.2	-1.0	2.3	-24.0
	DXG	DAT XANH GROUP	9,740	5,053 (215)	25,854 (1.1)	7.6	4.1	3.4	-6.2	14.1	17.6	0.6	0.6	-0.8	3.6	-6.8	-32.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	69,300	257,025 (10,941)	103,220 (4.4)	6.3	13.9	11.6	16.7	21.8	20.8	2.6	2.2	-3.1	-2.3	12.7	-23.2
	BID	BANK FOR INVESTM	36,200	145,597 (6,198)	49,671 (2.1)	12.2	17.5	13.6	13.1	12.8	12.4	1.8	1.6	4.3	-2.9	9.4	-21.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	16,900	59,152 (2,518)	36,989 (1.6)	0.0	5.4	4.7	8.9	17.1	17.6	0.8	0.7	0.3	-3.7	-2.6	-28.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	19,250	71,676 (3,051)	124,719 (5.3)	0.3	7.4	5.1	35.2	13.8	17.0	0.9	0.7	2.4	-3.0	-2.8	-7.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	20,200	49,243 (2,096)	85,198 (3.6)	0.3	5.2	4.5	11.8	19.4	18.3	1.0	0.8	3.3	-7.1	-4.0	1.0
	MBB	MILITARY COMMERC	16,100	38,824 (1,653)	114,308 (4.9)	0.0	4.3	3.8	19.3	21.5	20.9	0.8	0.7	2.9	-1.5	0.6	-22.6
	HDB	HDBANK	20,800	20,091 (855)	32,642 (1.4)	8.2	5.3	4.5	17.0	21.4	20.7	0.9	0.7	3.5	0.7	-0.5	-24.5
	STB	SACOMBANK	9,170	16,540 (704)	96,005 (4.1)	12.7	6.1	4.9	39.1	10.1	12.7	0.6	0.5	2.0	-5.5	-6.4	-8.8
	TPB	TIENPHONGCOMME	17,700	14,453 (615)	4,670 (0.2)	0.0	3.9	3.6	44.5	25.7	21.6	0.9	-	2.9	-3.3	-19.2	-15.9
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,400	18,933 (806)	6,833 (0.3)	0.0	20.4	21.0	18.6	5.8	5.3	1.1	1.1	1.7	1.7	-3.4	-13.5
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	47,000	34,889 (1,485)	32,904 (1.4)	20.2	28.6	21.1	1.0	6.9	9.0	1.8	1.7	3.1	-3.3	35.4	-31.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	21,000	1,918 (082)	6,887 (0.3)	12.6	-	-	-	-	-	-	-	2.4	14.1	23.5	-15.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	13,300	7,992 (340)	46,749 (2.0)	48.6	8.2	7.5	-11.9	10.5	10.6	-	-	3.5	-0.4	11.4	-14.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	18,300	3,006 (128)	6,535 (0.3)	65.7	-	-	-	14.1	-	-	-	2.8	0.0	0.8	-38.0
	HCM	HOCHIMINH CITY	16,750	5,113 (218)	30,596 (1.3)	45.8	4.7	-	15.7	12.5	-	-	-	6.7	2.1	20.1	-21.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	11,150	2,326 (099)	9,371 (0.4)	11.2	-	-	-	10.4	-	-	-	1.4	-1.8	-12.2	-22.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	97,500	169,784 (7,228)	156,043 (6.6)	41.3	17.2	15.9	3.7	38.2	38.9	5.8	5.3	0.7	-1.7	8.3	-16.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	175,000	112,224 (4,777)	14,642 (0.6)	36.6	24.5	20.6	7.5	24.3	26.5	5.5	5.0	2.9	14.4	38.9	-23.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	58,200	68,033 (2,896)	114,689 (4.9)	13.0	25.7	20.2	-30.3	7.4	8.3	1.6	1.4	2.8	-4.4	18.3	3.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,700	14,079 (599)	3,775 (0.2)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	0.4	-0.8	0.0	-8.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	115,100	60,294 (2,567)	31,284 (1.3)	11.3	14.3	12.0	-9.5	25.6	27.3	3.5	3.1	0.1	3.9	11.7	-21.3
	GMD	GEMADEPT CORP	17,500	5,196 (221)	7,168 (0.3)	0.0	12.7	11.1	-53.2	7.3	8.3	0.9	0.9	3.6	3.2	6.4	-24.9
	CII	HOCHIMINH CITY	19,600	4,858 (207)	19,511 (0.8)	24.2	10.5	9.6	136.4	9.6	9.7	1.0	1.0	-0.5	4.5	-1.5	-12.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,570	2,026 (086)	74,580 (3.2)	46.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.6	-10.8	-31.9	-79.4
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	15,900	7,763 (330)	17,933 (0.8)	33.8	9.3	7.0	-12.1	9.6	15.5	1.1	1.1	0.6	-0.6	9.7	-17.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	56,700	4,326 (184)	12,922 (0.6)	2.6	8.4	7.6	-39.4	6.4	6.8	0.5	0.5	-1.2	0.0	5.4	10.5
	REE	REE	29,450	9,131 (389)	18,078 (0.8)	0.0	5.4	4.6	-2.8	14.9	15.6	0.8	0.7	0.5	-5.0	-1.2	-18.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ)	GTGD (VNDtỷ triệu USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	63,500	121,536 (5,174)	57,659 (2.5)	45.6	16.1	11.9	-17.6	15.9	20.4	2.4	2.3	-1.6	-4.7	9.7	-32.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	19,900	5,729 (244)	8,916 (0.4)	31.3	8.2	7.6	-3.5	17.0	18.0	1.3	1.3	1.8	7.0	13.7	-8.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,500	7,534 (321)	5,038 (0.2)	32.5	7.6	8.1	-8.0	16.6	15.4	1.2	1.2	0.0	-5.8	6.8	-12.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	20,800	57,430 (2,445)	165,458 (7.0)	12.6	6.9	5.4	-1.7	17.2	19.1	1.0	0.9	3.0	3.5	11.8	-11.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	15,700	6,144 (262)	27,013 (1.2)	32.0	10.8	10.5	-2.8	8.1	7.8	0.8	0.7	6.1	11.0	34.2	21.2
	DCM	PETROCA MAU FER	7,970	4,219 (180)	8,175 (0.3)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	7.0	21.5	34.6	22.6
	HSG	HOA SENG GROUP	6,670	2,823 (120)	31,597 (1.3)	31.5	7.2	5.4	0.0	7.0	8.5	0.4	0.4	6.9	3.3	14.6	-14.6
	AAA	ANPHAT BIOPLAST	11,950	2,046 (087)	23,587 (1.0)	36.8	5.2	8.7	51.8	14.8	9.0	0.6	0.5	4.4	3.5	12.7	-5.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	40,700	48,466 (2,063)	49,094 (2.1)	6.9	12.9	11.6	6.8	17.0	19.8	2.3	2.0	-0.4	2.0	0.2	-27.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	9,390	3,954 (168)	55,591 (2.4)	34.3	30.3	12.0	-7.6	1.0	2.6	0.3	0.3	-3.4	-0.8	7.1	-37.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	10,250	2,885 (123)	19,238 (0.8)	21.9	5.5	5.0	-9.6	11.5	12.2	0.6	0.6	0.0	13.6	21.3	-39.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	82,000	37,131 (1,581)	139,424 (5.9)	0.0	9.2	7.4	15.5	29.9	30.7	2.4	1.9	3.3	6.8	6.2	-28.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	58,800	13,241 (564)	52,554 (2.2)	0.0	12.3	10.4	7.9	23.6	23.1	2.5	2.1	1.6	-0.7	6.9	-31.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	61,000	1,800 (077)	2,296 (0.1)	68.8	25.6	18.7	-28.1	6.8	8.6	1.7	1.5	6.1	18.2	16.2	64.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	20,200	1,595 (068)	8,731 (0.4)	7.2	10.6	9.8	-33.4	11.1	10.6	1.0	0.8	6.9	30.7	42.3	-4.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	42,000	5,691 (242)	23,855 (1.0)	40.4	5.3	5.8	30.3	38.0	30.4	1.9	1.6	2.2	-1.6	1.7	9.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	91,000	11,898 (506)	2,776 (0.1)	45.8	18.9	18.0	4.1	19.2	18.7	3.3	3.1	1.0	3.3	16.7	-0.5
	PME	PYME PHARCO JSC	59,000	4,426 (188)	1,229 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-1.0	3.9	8.7
IT	FPT	FPT CORP	51,100	34,833 (1,483)	107,064 (4.6)	0.0	10.3	8.9	18.3	24.6	25.3	2.3	2.0	3.7	2.0	7.1	-12.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.